



QUY TẮC ỨNG XỬ ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI QUA TƯ LIỆU HƯƠNG ƯỚC CHỮ HÁN CHOSON THẾ KỶ XVII – XVIII

Đỗ Thị Hà Thơ

Khoa Sư phạm Ngữ văn - Sử - Địa, Trường Đại học Đồng Tháp

Thông tin chung:

Ngày nhận: 11/01/2016

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

Title:

The codes of conduct in family and society through Chinese scripts village regulation documentation of Choson in the XVII and XVIII century

Từ khóa:

Hương ước, hương ước Choson, hương ước chữ Hán Choson, quy tắc ứng xử qua hương ước chữ Hán Choson, quy tắc ứng xử đối với gia đình và xã hội

Keywords:

Village regulation, Choson village regulation, Chinese scripts village regulation of Choson, the codes of conduct through Chinese scripts village regulation of Choson, the codes of conduct in family and society

ABSTRACT

The Choson social change in the XVII and XVIII century created a serious rift on human dignity, which required the reconstruction of the social order. The Choson confucians' progressive thinking in "diagnosing diseases" enabled the dynasty to reconsider human's intrinsic values. Based on the theory of Confucianism along with the idea of "Lã thị hương ước", the Choson confucians devised strategies to recover traditional moral values, in which paid much more attention to "pious" and "rites" in order to quickly cure the society's moral wounds.

TÓM TẮT

Chuyển biến xã hội Choson giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII tạo nên vết rạn nghiêm trọng về nhân phẩm, đòi hỏi thiết lập lại trật tự xã hội. Sự thức thời của sĩ phu Choson trong việc "bắt bệnh" xã hội mang đến sự thành công cho vương triều trong việc "nhào nặn" lại các chân giá trị. Trên tinh thần tiếp thu học thuyết Nho giáo cộng với ý tưởng của hương ước họ Lã, sĩ phu Choson vạch định chiến lược khôi phục lại giá trị đạo đức truyền thống từ chủ thể của sự vận động ấy. Trong đó chú trọng đầu tư vào các vấn đề về "Hiếu" và "Lễ", nhanh chóng xoa dịu vết thương đạo lý đang lở loét trong lòng xã hội.

Trích dẫn: Đỗ Thị Hà Thơ, 2016. Quy tắc ứng xử đối với gia đình và xã hội qua tư liệu hương ước chữ Hán Choson thế kỷ XVII – XVIII. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44c: 80-87.

Quyết định thoái bộ của một số sĩ phu phái Sarim 士林¹ trước những biến tướng của tình hình chính trị Choson thế kỷ XVI trở thành động năng phát triển văn hóa làng, đặc biệt là vấn đề hương ước. Hương ước Choson chịu ảnh hưởng sâu sắc từ

hai bản *Lam Điền Lã thị hương ước* 藍田呂氏鄉約 thời Bắc Tống và *Chu Tử tăng tổn Lã thị hương ước* 周子增損呂氏鄉約 thời Nam Tống. Trên thực tế, người Choson không tiếp xúc trực tiếp với bản *Lam Điền Lã thị hương ước*, những điều được gọi là mấu chốt trong bản này đều thông qua bản hương ước của Chu Tử. Theo cứ liệu lịch sử, năm Trung Tông 12 (1516), Kim Nhân Phạm 金仁範 dâng sớ xin áp dụng hương ước để giáo dục dân. Năm Trung Tông 13 (năm 1517) quan Tri trung Xu

¹ Giữa thế kỷ XV, xã hội Choson xuất hiện một tầng lớp trí thức mới thuộc phái Sarim (Sĩ lâm 士林), gồm những học giả Nho học có công trong việc xây dựng vương triều Choson.

phủ sự là Kim An Quốc 金安國 tổ chức dịch bản *Chu Tử tăng tổn Lễ thị hương ước* ra chữ Hangul bên cạnh nguyên tác chữ Hán của Chu Tử. Cùng năm này, ông cho xuất bản và thực thi *Chu Tử tăng tổn Lễ thị hương ước ngạn giải* 周子增損呂氏鄉約諺解 trong toàn dân. Năm Trung Tông 14 (1518), quan Đại tư hiến Triệu Quang Tô 趙光祖 và quan Đại tư thành Kim Đề Đẳng 金緹等 tiếp tục phổ cập bản *Chu Tử tăng tổn Lễ thị hương ước ngạn giải* (金仁杰, 韓相權, 1986). Từ đây trở đi, các sĩ phu Choson đều dựa vào bản hương ước mẫu này soạn thảo ra các bản hương ước áp dụng ở từng hương cụ thể. Hiện nay, hầu hết các bản hương ước của Choson đều được sưu tầm, tập hợp và xuất bản trong sách *Triều Tiên thời đại xã hội sử nghiên cứu sử liệu tủng thư* 朝鮮時代社會史研究史料叢書, do hai tác giả Kim Nhân Kiệt 金仁杰 và Hàn Tướng Quyền 韓相權 biên soạn, Bảo Cảnh văn hóa xã 保景文化社 phát hành, được in ấn và phát hành vào tháng 10 năm 1986 tại Seoul, Hàn Quốc.

Ở thế kỷ XVII - XVIII Choson có tổng cộng 09 bản hương ước gồm: *An Đông hương ước* 安東鄉約 năm 1602, *Mật Dương hương ước* 密陽鄉約 năm 1648, *Bàn Khê hương ước* 礪溪鄉約 cuối thế kỷ XVII, *Hương ước thông biến* 鄉約通變 năm 1706, *Thuận Châu hương ước* 尚州鄉約 năm 1730, *Báo Ân hương ước điều mục* 報恩鄉約條目 năm 1747, *Thuận Hưng phủ hương ước tiết mục* 順興府鄉約節目 năm 1765, *Kim Phố diện hương ước tiết văn* 金浦面鄉約節文 năm 1771, *Hương lễ hợp biên* 鄉禮合編 năm 1797. Chín văn bản này đều thuộc địa phận nam Choson ngày nay. Về đại thể, nội dung các bản hương ước đều giống nhau, xoay quanh triển khai bốn điểm cơ bản trong *Lam Điền Lễ thị hương ước* gồm: *Đức nghiệp tương khuyến* 德業相勸 (khuyến khích nhau về đức nghiệp), *quá thất tương quy* 過失相規 (răn dạy nhau khi phạm lỗi lầm), *lễ tục tương giao* 禮俗相交 (giao tiếp với nhau theo lễ tục) và *hoạn nạn tương tuất* 患難相恤 (giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn). Từ bản hương ước của Chu tử, các nhà Nho

Choson đi đến quán triệt quan điểm đối với việc dùng lễ xây dựng con người:

禮者天理之節文,人事之儀則也。蓋具於有生之初爲人事日用常行之則而恭,敬,辭,讓禮之節也;威,儀,度,數禮之文也。隨其行之有時,施之有所。苟非熟講明習足目俱到則臨事恟恟,擿埴昧塗鮮有合直而應節禮。² (金仁杰, 韓相權, 1986)

Nghĩa là: Lễ là tiết văn của đạo trời, là nghi tắc của việc người. Ấy bởi nó thể hiện đầy đủ từ khi ban sơ của cuộc sống. Cái mà con người ta theo lễ thường công việc hằng ngày thì gọi là tắc mà lại cung, kính, từ, nhượng theo lễ thì gọi là tiết vậy; mà có uy, nghi, độ, số thì gọi là văn của lễ vậy. Những việc bên trên khi làm thì phải đúng lúc đúng chỗ. Nếu chưa thành thực, thông tỏ, nhuần nhuyễn, chu đáo thì gặp việc sẽ hoang hốt, không sáng suốt và rất ít người có thể phù hợp để đúng theo nghi tiết.

Và tiến tới khẳng định:

庠序惇孝弟之風,閭里勵廉恥之俗。二千五百餘岁荒僮之地尽變為鄒魯之鄉。而箕聖八条之教燦然復明於世則其啟群蒙,而惠後學。³ (金仁杰, 韓相權, 1986)

Nghĩa là: Vậy nên nơi trường học thì theo đạo hiếu để, chốn làng thôn thì giữ gìn phong tục không phạm vào điều liêm sỉ. Trải qua tang thương đau bể hơn 2500 năm đã thay đổi toàn bộ các thói tục trở lại như thời Trâu, Lỗ. Thế mà tám điều giáo hóa của bậc thánh nhân thuở trước được làm sáng tỏ trong các phép tắc thời này ấy là để giáo hóa kẻ còn mông muội, làm cái nếp cho hậu học đời sau noi theo.

Từ đó đưa ra quy định về luân lý mang tính chất kiểm tỏa mọi biểu hiện vượt rào khỏi học thuyết Không giáo. Khảo sát các văn bản hương

² Phiên âm: Lễ giá thiên lý chi tiết văn, nhân sự chi nghi tắc. Cái cụ ư hữu sinh chi sơ vi nhân sự nhật dụng thường hành chi tắc nhi cung, kính, từ, nhượng lễ chi tiết dã; uy, nghi, độ, số lễ chi văn dã. Tùy kỳ hành chi hữu thời, thi chi hữu sở. Cầu phi thực giảng minh tập túc mục cụ đảo lâm sự thăng hoang, qua thực muội đồ tiền hữu hợp trực nhi ứng tiết lễ.

³ Phiên âm: Trường tự đôn hiếu để chi phong, luân lý liêm sỉ chi tục. Nhi thiên ngũ bách dư tuế hoang thương chi địa tận biến vi Trâu, Lỗ chi hương. Nhi ky thánh bát điều chi giáo xán nhiên phục minh ư thế tắc kỳ khai quần mông, nhi huệ hậu học.

ước Choson thời kỳ này, chúng tôi nhận thấy, các bản hương ước đều thống nhất kê cứu bốn điểm mấu chốt chi phối cách ứng xử con người thời Choson: *Đức nghiệp tương khuyến* 德業相勸, *quá thất tương quy* 過失相規, *lễ tục tương giao* 禮俗相交, *hoạn nạn tương tuất* 患難相恤. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin trình bày một trong những chiến lược đào tạo con người của sĩ phu Choson bấy giờ.

Nhằm khắc phụ tình hình hỗn loạn, rối ren của xã hội giai đoạn thế kỷ XVII- XVIII, sĩ phu Choson tiến tới việc xây dựng và hoàn thiện chủ thể ở các cấp:

1 GIA ĐÌNH

Nhìn chung, tư tưởng Nho giáo chi phối toàn bộ quy định hương ước Choson giai đoạn này. Việc định hình nhân cách cho người Choson được Nho sĩ Choson xây dựng trước nhất ở cách ứng xử của con người trong phạm vi gia đình. Chuẩn quy định là *đức nghiệp*, được rút ra từ hương ước của Trung Quốc. Các bản hương ước Choson thời kỳ này đều thống nhất khái niệm *đức nghiệp* như sau:

德業謂孝父母,敬長上,愛兄弟,教子孫,睦親黨,和鄰里,正家以禮,交友有信,立心必忠直,行己必恭謹,見善必行,聞過必改。又如讀書,治田好禮,樂,射,御,書,數能治家政,能御僮僕,能擇交遊,能勤事功,能守廉介,能廣施惠,能受寄托,能救患難,能導人為善,能規人過失,能為人謀事,能為眾集事,能解鬪爭,能決是非,能興利除害,能居官舉職,能畏法令,能謹租賦之類。⁴ (金仁杰,韓相權, 1986)

Nghĩa là: Đức nghiệp ý nói hết mục hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính các bậc trưởng thượng, yêu thương anh em, dạy dỗ con cháu, hoà mục với thân

thích, hoà thuận với láng giềng, trị gia theo lễ, cư xử với bạn bè phải giữ chữ tín, lập tâm trung hậu ngay thẳng, ăn ở cung khiêm, cẩn thận, gặp việc thiện tất làm, nghe lời lầm phải sửa. Lại như việc học hành, làm ruộng chuông lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số cho nên biết trị được gia chính, biết quản lý tôi tớ, biết chọn bạn để giao du, biết cần mẫn làm việc, biết giữ liêm sỉ, biết thi ơn rộng rãi, biết nhận sự uỷ thác, biết cứu người khi gặp hoạn nạn, biết chỉ dẫn người làm điều thiện, biết răn dạy người phạm lỗi lầm, biết mưu sự giúp người, biết gom góp công việc cho người, biết làm rõ các việc đầu đuôi, biết giải quyết thị phi, biết hưng lợi trừ hại, biết làm quan cất nhắc chức tước cho người, biết sợ pháp lệnh, biết cẩn thận việc tô thuế.

Nếu vi phạm đạo lý nêu trên, người con, người em, người vợ, người chồng phải chịu mức phạt theo quy định. Đặc biệt đối với tội bất hiếu, Nho sĩ Choson đều đồng thuận xử theo pháp luật Nhà nước. Điều đó cho thấy, chữ *hiếu* đã trở thành vấn đề quốc gia và quy định đối với vấn đề này trở thành chân lý soi rọi hành vi cá nhân.

Bên cạnh việc đảm bảo chữ *hiếu* 孝 (con đối với cha mẹ ruột) và *uyên* 嫻 (con dâu đối với cha mẹ chồng), Nho sĩ Choson đi đến việc ổn định trật tự gia đình qua quy định đối với vợ chồng, anh em. Những kê cứu trong *đức nghiệp* ở các bản hương ước thời kỳ này cho thấy, tinh thần lễ tục của Nho giáo phần nào giúp bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ: “Dùng lễ đối đãi với thê thiếp”. Đây có thể xem là quy định hiếm hoi của Nho sĩ Choson thể hiện sự tôn trọng phụ nữ trong phạm vi gia đình. Tuy nhiên xét ở góc độ khác, quy định này thực chất nhằm uốn nắn hành vi của nam giới theo chuẩn thời đại. Trong mối quan hệ này, người phụ nữ chỉ là “phương tiện” giúp người đàn ông hoàn thiện nhân cách bản thân mà quan niệm “nam tôn nữ ty”, “trọng nam khinh nữ” chi phối toàn bộ mọi lễ thói xã hội Choson bấy giờ. Qua đó giúp sức cho nam giới duy trì lớp lang gia đình. Tiễn thêm một bước nữa, hương ước Choson đặt ra yêu cầu “*hữu ái*” trong mối quan hệ anh em. Đặc biệt tác giả văn bản giai đoạn này đều thống nhất cách xử phạt nếu anh em đi ngược đạo lý nêu trên: 兄弟相鬪者兄曲弟直均罰, 曲直相半, 兄輕弟重; 兄直弟曲只罰。⁵ (金仁杰,韓相權, 1986) (Anh em đấu

⁴ Phiên âm: Đức nghiệp vị hiếu phụ mẫu, kính trưởng thượng, ái huynh đệ, giáo tử tôn, mục thân đảng, hòa lân lý, chính gia dĩ lễ, giao hữu hữu tín, lập tâm tất trung trực, hành kỹ tất cung cẩn, kiến thiện tất hành, văn quá tất cải. Hựu như độc thư, trị điền hiếu lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số năng trị gia chính, năng ngự đồng bộc, năng trạch giao du, năng cần sự công, năng thủ liêm giới, năng quảng thi huệ, năng thụ ký thác, năng cứu hoạn nạn, năng đạo nhân vi thiện, năng quy nhân quá thất, năng vị nhân mưu sự, năng vị chúng tập sự, năng giải đầu tranh, năng quyết thị phi, năng hưng lợi trừ hại, năng cư quan cử chức, năng úy pháp lệnh, năng cẩn tô thuế chi loại.

⁵ Phiên âm: Huynh đệ tương huyếch giả, huynh khúc, đệ trực quân phạt, khúc trực tương bán huynh khinh, đệ trọng. Huynh trực, đệ khúc chi phạt đệ.

đá nhau, anh sai em đúng đều phạt, đúng hay sai đều chịu một nửa, anh tội nhẹ, em tội nặng. Nếu anh đúng, em sai chỉ phạt tội em). Tức là trong mọi tình huống, người em luôn là kẻ chịu thiệt thòi, nhằm bảo vệ quyền lợi cho người làm anh. Với quy định này, hương ước Choson cố gắng đảm bảo sự phục tùng tuyệt đối của các thành viên khác trong sự kiểm tỏa của chế độ gia trưởng qua việc duy trì “quyền huynh thế phụ”. Từ đây hướng đến quy định đối đãi của con chính thê và con thứ thiếp. Hương ước thế kỷ XVII yêu cầu:

庶孽事嫡極其恭謹。凡事不敢敵隅,不敢並坐坐於嫡兄弟之次。同行小退眾妾子更不論良賤妾所生一以長幼為次。⁶ (金仁杰,韓相權, 1986)

Nghĩa là: Con của thiếp phụng sự con của chính thê phải cực kỳ cung kính và cẩn thận. Mọi việc đều không dám chống lại, không dám cùng **ngôi** hàng thứ hai sau hàng anh em con của chính thê. Khi người trong hàng lui ra rồi thì chúng thiếp và con mình bất luận là giỏi hay dở do thiếp sinh ra nhất nhất đều lấy trật tự lớn nhỏ để phân thứ bậc⁷.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của tư tưởng “trọng xỉ” (Đỗ Thị Hà Thơ, 2009), song đối với mối quan hệ này các bản hương ước đều thống nhất: Nếu con của thứ thiếp tuổi bằng hoặc lớn hơn con của chính thê, quy định đưa ra con của thứ thiếp vẫn phải phụng sự con của chính thê theo lễ của ấu thiếu thờ các bậc trưởng thượng. Và dù cho con của thứ thiếp tuổi lớn hơn và thuộc hàng tôn quý thì con của chính thê cũng được tôn kính như nhau chứ không được vô lễ. Nhờ đó đảm bảo tôn ty trong gia đình đàn ông có nhiều bà vợ và nhiều dòng con.

Hương ước chữ Hán Choson giai đoạn này thể hiện tư tưởng cấp tiến của Nho sĩ Choson cố gắng đào sâu triết lý Nho giáo đối với vấn đề con người thời đại. Tác giả văn bản rất chú trọng khai thác yêu cầu con người gia đình được cộng đúc biện chứng giữa người trên và kẻ dưới, tạo nên sợi dây liên đới trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi thành

viên: Người cha đặt ở chữ “tử”, người con ở chữ “hiếu”, người anh ở chữ “hữu”, người em ở chữ “đễ”, vợ chồng ở chữ “lễ”. Từ đó thúc đẩy sự cố kết cộng đồng, hợp sức giải quyết khó khăn của tình hình chính trị xã hội của vương triều.

Ngoài ra, ý thức thường trực về gia đình còn được nhắc đến qua quan hệ thân tộc, với yêu cầu “hoà mục”, là dụng ý tinh vi của tác giả khi muốn thực hiện bước chuyển hóa từ con người của gia đình sang con người của hương đảng và trên hết là con người của xã hội. Điều này lý giải vì sao Nho sĩ Choson dành rất nhiều tâm huyết để xây dựng con người hoàn mỹ ở phạm vi gia đình, làm cơ sở khai thông chiến lược con người của xã hội.

2 XÃ HỘI

Trên nền lễ tiết giáo dục gia đình, sĩ phu Choson tiến hành vạch định chiến lược xây dựng con người xã hội. Việc định hình ứng xử trong xã hội được chỉ đạo bởi tư tưởng “trọng xỉ”. Theo đó, hương ước Choson giai đoạn này định ra các điều lệ xoay quanh việc điều chỉnh hành vi cá nhân bằng lễ. Trước nhất, Nho sĩ Choson đưa ra độ tuổi quy định làm căn cứ để mỗi cá nhân cư xử cho phải đạo. Tác giả văn bản còn chỉ tường tận cách hành lễ đối với từng cấp bậc nêu trên như sau:

鄉人年長以倍則父事之。十年以長則兄事之。五年以長亦稍加敬。父之執友則拜。洞內年長十歲以上拜。鄉人年長十五歲以上拜。遇尊長下馬。過公門下馬。鄉人會飲處下馬。會射處下馬。⁸ (金仁杰,韓相權, 1986)

Nghĩa là: Người trong hương gặp đôi tuổi mình phải đối xử với họ như cha. Người lớn hơn mình mười tuổi phải đối xử với họ như anh. Người hơn mình năm tuổi phải kính trọng họ. Gặp bạn bè của cha thì vái chào. Người lớn hơn mình mười lăm tuổi tuy ở nơi ngõ vắng gặp họ mình phải hành lễ thượng bái. Gặp các bậc tôn trưởng phải xuống ngựa. Đi qua công môn phải xuống ngựa. Đi qua chỗ dân làng hội âm phải xuống ngựa. Đi qua chỗ mọi người hội họp tập bắn phải xuống ngựa.

⁶ Phiên âm: Thứ nghiệt sự đích cực kỳ cung cẩn. Phạm sự bất cảm địch ngưng, bất cảm tịnh tọa tọa ư đích huynh đệ chi thứ. Đồng hành tiểu thoát chúng thiếp tử cánh bất luận lương tiện thiếp sở sinh nhất dĩ trưởng ấu vi thứ.

⁷ Trong nội dung các văn bản hương ước chữ Hán Choson giai đoạn này, có khác in những chữ nhỏ xen lẫn chữ lớn (có khi một dòng chữ nhỏ được viết trong cùng một dòng chữ lớn, cũng có khi có từ hai đến ba dòng chữ nhỏ được viết trong cùng một dòng chữ lớn), là phần minh giải và bổ sung cho phần văn bản in chữ lớn.

⁸ Phiên âm: Hương nhân niên trưởng dĩ bội tác phụ sự chi. Thập niên dĩ trưởng tác huynh sự chi. Ngũ niên dĩ trưởng diệc sảo gia kính. Phụ chi chấp hữu tác bái. Đồng nội niên trưởng thập tuế dĩ thượng bái. Hương nhân niên trưởng thập ngũ tuế dĩ thượng bái. Ngộ tôn trưởng hạ mã. Quá công môn hạ mã. Hương nhân hội âm xử hạ mã. Hội xạ xử hạ mã.

Quy định này xuất phát từ *Kinh Lễ* thiên *Khúc Lễ thượng*⁹ được Nho sĩ Choson diễn giải vận dụng theo hoàn cảnh thực tế địa phương, đã trở thành đạo lý cốt cán trong cách ứng xử của người Choson đương thời.

Trên nguyên tắc chung này, Nho sĩ Choson quy định chi tiết hơn cách thi lễ trong trường hợp cụ thể. Qua đó, những lễ tiết gia đình một lần nữa có dịp thể nghiệm giữa cộng đồng, ghi nhận sự trưởng thành của ý thức cá nhân. Bản *Hương lễ hợp biên* soạn năm 1797 ghi rõ:

凡遇尊長於道皆徒行則趨進揖。尊長與之言則對,不則立於道側以俟尊長已過乃揖而行。或皆乘馬於尊者則回避之。於長者則立馬道側揖之。俟過乃揖而行。若已徒行而尊長乘馬則回避之凡徒行遇所識乘馬者皆倣此。若已乘馬而尊長徒行望見則下馬前揖,已避亦然。過既遠乃上馬。若尊長令上馬則固辭。遇敵者皆乘馬則分道相揖而過。彼徒行而不及避則下馬揖之,過則上馬。過少者以下皆乘馬彼不及避則揖之而過。彼徒行不及避則下馬揖之於幼者則不必下可。¹⁰ (金仁杰, 韓相權, 1986)

⁹ 曲禮上: 夫為人子者 · 出必告 · 反必面。所游必有常 · 所習必有業。恒言不稱老。年長以倍則父事之。十年以長則兄事之 · 五年以長則肩隨之。

Khúc Lễ thượng: Phàm là con, đi ra ngoài phải báo (với cha mẹ), trở về phải ra mắt (cha mẹ). chơi ở những chỗ quen thuộc, chuyên tâm vào công việc. Nói năng không được tự xưng là lão. Người gấp đôi tuổi phải đối xử với họ như với cha. Người hơn mình 10 tuổi phải đối xử với họ như anh. Người hơn 5 tuổi đối xử như bạn cùng lứa. (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2004).

¹⁰ Phiên âm: Phàm ngộ tôn trưởng ư đạo giai đồ hành tắc xu tiến áp. Tôn trưởng dữ chi ngôn tắc đối, bất tắc lập ư đạo trắc dĩ sĩ tôn trưởng dĩ quá nãi áp nhi hành. Hoặc giai thừa mã ư tôn trưởng giả tắc hồi ty chi. Ư trưởng giả tắc lập mã đạo trắc áp chi. Sĩ quá nãi áp nhi hành. Nhược kỳ đồ hành nhi tôn trưởng thừa mã tắc hồi ty chi phàm đồ hành ngộ sở thức thừa mã giả giai phòng thứ. Nhược kỳ thừa mã nhi tôn trưởng đồ hành vọng kiến tắc hạ mã tiên áp, kỳ ty diệc nhiên. Quá kỳ viễn nãi thượng mã. Nhược tôn trưởng lệnh thượng tắc cổ từ. Ngộ địch giả giai thừa mã tắc phân đạo tương áp nhi quá. Bì đồ hành nhi bất cập ty tắc hạ mã áp chi, quá tắc thượng mã. Quá thiếu giả dĩ hạ giai thừa mã bì bất cập ty tắc áp chi nhi

Nghĩa là: Khi gặp các bậc tôn trưởng đi bộ ở ngoài đường thì phải chạy đến vái chào. Bậc tôn trưởng có hỏi đến thì trả lời, không thì đứng sang bên đường đợi các bậc tôn trưởng đi qua rồi mình mới vái chào và đi tiếp. Hoặc nếu mình cưỡi ngựa đến chỗ bậc tôn giả thì phải quay ngựa lại tránh. Đến chỗ bậc trưởng giả thì dẫn ngựa đứng sang bên đường vái chào. Đợi các bậc tôn trưởng đi qua mình lại vái chào rồi đi tiếp. Nếu mình đi bộ còn bậc tôn trưởng cưỡi ngựa thì mình phải quay lại tránh mình đi bộ gặp người có học thức cưỡi ngựa đi qua đều ứng xử như thế. Nếu mình cưỡi ngựa còn các bậc tôn trưởng đi bộ nhìn thấy từ xa thì phải xuống ngựa vái chào trước, khi mình tránh cũng vậy. Khi các bậc tôn trưởng đã đi xa, mình mới lên ngựa. Nếu các bậc tôn trưởng lệnh cho mình lên ngựa thì mình phải cố từ chối. Gặp những người ngang hàng đều đi ngựa thì phân đường hai bên vái chào nhau rồi đi tiếp. Nếu họ đi bộ mình không tránh kịp thì xuống ngựa vái chào họ, họ đi qua rồi mình mới lên ngựa. Gặp từ hàng thiếu niên trở xuống đều đi ngựa, nếu họ không kịp tránh thì mình vái chào rồi đi qua. Nếu họ đi bộ mình tránh không kịp thì xuống ngựa vái chào đối với trẻ em thì không cần phải xuống ngựa.

Chỉ một chữ “*kính*” nhưng khi cụ thể hóa thành hành động lại là một chuỗi kiểu cách vô cùng cầu kỳ và phức tạp. Mỗi khi đặt chân ra đường, ai nấy đều phải lo dòm trước ngó sau, tránh để khinh suất và tránh để cộng đồng chê trách. Tác giả văn bản khéo mượn sức mạnh của cộng đồng để quy chuẩn hành vi cá nhân. Theo luận thuyết này, những cử chỉ đúng lễ tiết là điểm tối trọng để ổn định trật tự lớp lang nơi thôn xóm. Từ đây nhiều quy định trọng xi khác (cách thức mời mọc, chúc tụng, tiễn đưa vào những dịp hữu sự cá nhân) được kê cứu tỉ mỉ nhằm điều chỉnh lòng ngưỡng vọng tuyệt đối của dân làng. Đây là điều tối trọng được tác giả văn bản kê xét điều thứ ba trong hương ước họ Lã: “*Lễ tục tương giao*”. Để từ đó, con người biết răn dạy nhau khi phạm lỗi lầm, giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn. Bấy giờ các vấn đề cá nhân trở thành vấn đề tập thể. Và tinh thần *kiến nghĩa* là kết quả của những giá trị xây dựng con người gia đình.

Bên cạnh đó, Nho sĩ Choson cũng kê cứu quy tắc ứng xử cộng đồng dành cho nữ giới:

– Bản *An Đông hương ước* soạn năm 1602, *Mật Dương hương ước* soạn năm 1648 cùng quy định: 處女貧窶過時不婚者, 孤兒單弱失學無歸者

quá. Bì đồ hành bất cập ty tắc hạ mã áp chi ư ấu giả tắc bất tất hạ khả.

並報官司或自約中通議善處。(Con gái nhà nghèo để quá tuổi xuân chưa kết hôn được, cô nhi yếu thế thất học không biết đi về đâu tất cả đều phải báo lên quan hoặc dựa theo những điều quy định mà giải quyết cho tốt).

– Ngoài ra *Mật Dương hương ước* còn cho biết thêm: 見閩里婦女謹避身,或接言語無悖慢。(Gặp phụ nữ trong làng nên chú ý mà tránh, hoặc giả có chuyện trò với nhau thì không được suồng sã).

– Bản *Báo Ân hương ước điều mục*, soạn năm 1747 định: 年壯處女貧甚過 時未嫁者告官給資裝,約中亦隨宜扶助。(Con gái đương xuân vì nhà nghèo đành để lỡ thì chưa xuất giá được thì báo quan giúp cho tư trang, người trong ước cũng nên giúp đỡ tùy theo sức của mình).

Đặc biệt, các nhà Nho thời kỳ này đồng nhất kê cứu xử phạt những kẻ thông gian với kỹ nữ, là những chiếu cố hiềm hoi đối với thành phần bị xem là dưới đáy xã hội. Đây có thể xem là tư tưởng cấp tiến của Nho sĩ Choson nhằm đáp trả những công hiến thầm lặng của những ai sinh ra đời trót mang thân con gái. Dù cho những quy định như thế này cũng không nằm ngoài dụng ý tái khẳng định thiên kiến có phần cứng nhắc để chuẩn hóa hành vi ứng xử của nam giới ở cộng đồng.

Với những quy định chi tiết như trên, Nho sĩ Choson rất khéo léo uốn nắn con người tập lễ. Điều đó mang lại giá trị thực sự cho việc cố gắng khôi phục vết rạn về nhân phẩm của con người Choson giai đoạn này, tránh được cảnh nòi da nẫu thịt trong từng tế bào của xã hội. Từ yêu cầu trong mối quan hệ bạn bè được khuôn lại trong chữ *tín*, để đi đến việc giao hảo cộng đồng, kính trọng các bậc trưởng thượng là con đường để mỗi cá nhân tự xác lập diện mạo xã hội cho mình. Mặc dù tập tục trọng xỉ đôi lúc cũng xuất hiện vấn đề bất cập, cứng nhắc vì nhất nhất phải tuân theo sự chỉ dẫn từ tri thức kinh nghiệm của bậc cao niên mà chối bỏ, thậm chí đã phá tính sáng tạo của lớp trẻ, là nguyên nhân tách rời thể hệ này với thể hệ kia. Bỏ qua mặt hạn chế đó, tục trọng xỉ được giữ gìn và phát huy đến tận ngày nay đã trở thành nét văn hóa đặc sắc trong lối ứng xử của người Choson đương đại.

Sau những quy định ứng xử cơ hữu trong phạm vi gia đình và xã hội, tác giả vẫn bản tiếp tục kê cứu những quy định lý tưởng khác, nhằm phát huy tính cộng đồng và niềm cộng cảm của mọi thành viên hương đảng đối với giai đoạn cuối của đời người. Vấn đề này không được kê cứu trong *đức*

nghiệp, song qua những quy điều ở các mục *quá thất tương quy, lễ tục tương giao, hoạn nạn tương tuất*, chúng ta có thể thấy cách ứng xử với người đã khuất như hệ quả dây chuyền của chiến lược đào tạo con người cấp gia đình và xã hội. Điều này được thể hiện qua cách thức và phần lễ thực thi của người sống đối với người đã khuất.

Sĩ phu Choson khéo léo chỉ dẫn phần lễ tế của người đến viếng căn cứ vào vai vế của người mất, cụ thể bản *Bản Khê hương ước 磻溪鄉約* cuối thế kỷ XVII cho hay: 凡吊為首者致辭而旅拜。不識生者則不吊,不識死者則不哭。若妻子之喪則眾員往吊,後皆退只留其親。¹¹ (金仁杰,韓相權, 1986)

Nghĩa là: Thường đám tang, trước tiên đến gửi lời thăm hỏi rồi cùng vào vái. Nếu không quen người sống thì không điếu, không biết người chết thì không khóc. Nếu là tang của vợ thì người trong làng đến điếu, điếu xong tất cả đều lui ra chỉ lưu lại người thân của người mất.

Hay: 有之死者是敵以上則拜而奠。敵以下則奠而不拜。¹² (金仁杰,韓相權, 1986)

Nghĩa là: Gia đình nào có người mất là người ngang hàng với mình trở lên thì vái và tế. Còn là người ngang hàng mình trở xuống thì tế mà không vái.

Quy định ứng xử dựa vào tuổi tác định thứ bậc người dưới kẻ trên tiếp tục được duy trì áp dụng với người mất đến cuối thế kỷ XVIII như sau:

Bản *Hương lễ hợp biên 鄉禮合編* ở trang 569 cũng yêu cầu:

凡吊尊者則為首者致辭而旅拜。敵以下則不拜,主人拜則答之。少者以下則扶之。不識生者則不吊。不識死者則不哭。¹³ (金仁杰,韓相權, 1986)

¹¹ Phiên âm: Phàm điếu vi thủ giá trí từ nhi lữ bái. Bất thức sinh giả tác bất điếu, bất thức tử giả tác bất khóc. Nhược thể từ chi tang tác chúng viên vãng điếu, hậu giai thoái chỉ lưu kỳ thân.

¹² Phiên âm: Hữu chi từ giả thị địch dĩ thượng tác bái nhi diện. Địch dĩ hạ tác diện nhi bất bái.

¹³ Phiên âm: Phàm điếu tôn giả tác vi thủ giá trí từ nhi lữ bái. Địch dĩ hạ tác bất bái, chủ nhân bái tác đáp chi. Thiếu giả dĩ hạ tác phù chi. Bất thức sinh giả tác bất điếu. Bất thức tử giả tác bất khóc.

Nghĩa là: Điều bậc tôn giả thì trước tiên đến gửi lời thăm hỏi rồi vào cùng vái. Những người ngang hàng trở xuống thì không phải vái nhưng chủ nhà vái thì phải đáp lễ lại. Từ hàng thiếu niên trở xuống đều phải giúp gia chủ. Không quen người sống thì không điều, không biết người chết thì không khóc.

Và khi mọi người bày đồ tế người mất thì cũng theo vai về trên, tức:

死者是敵以上則拜而奠。以下則奠而不拜。主人不易服則亦不易服。主人不哭則亦不哭。情重則雖主人不變不哭亦變而哭之。¹⁴ (金仁杰, 韓相權, 1986)

Nghĩa là: Người chết là người ngang hàng với mình trở lên thì vái và tế. Từ ngang hàng mình trở xuống thì tế mà không vái. Chủ nhà không sửa sang y phục thì khách cũng không sửa. Chủ nhà không khóc thì khách cũng không khóc. Nếu tình cảm sâu nặng thì tuy chủ nhà không sửa sang y phục, không khóc thì mình vẫn sửa sang và khóc người mất.

Những quy định như trên tái khẳng định tầm quan trọng của các vấn đề về lễ trong chiến lược đào tạo con người của sĩ phu Choson. Qua đây có thể thấy, tư tưởng *uống nước nhớ nguồn, tương thân tương ái* thoát lên tự nhiên của những giá trị được hun đúc từ *đức nghiệp*. Theo đó, dù là người xa lạ vẫn luôn dành niềm cộng cảm đối với gia chủ và tế lễ người mất. Đặc biệt với quy định: 或有無子孫死不能斂葬者自里中埋葬。¹⁵ (金仁杰, 韓相權, 1986) (Hoặc giả có kẻ không con cháu chết không ai liệm táng cho thì tự dân trong lí sẽ mai táng giúp) cuối thế kỷ XVII, là nỗ lực đáng kể của nhà Nho Choson hướng đến những cảnh đời bất hạnh.

Tất cả những quy định kê trên được đánh giá là sự thành công của Nho sĩ Choson trong việc duy trì, ổn định trật tự xã hội và vinh danh cái thiện. Sau tất cả những yêu cầu ứng xử cần thiết, hương ước Choson bắt đầu dạy con người ta cách thờ vua. Tác giả văn bản rất tinh ý trong việc vận dụng triết

lý Nho giáo đề cập đến chữ “trung” đối với vua, theo lẽ “hiếu là đề thờ vua”, với vòn vẹn một quy định: “Cần trọng việc tô thuế”. Nghĩa là sau khi đã đạt đến lý tưởng trong cách đối nhân xử thế có đầy đủ đức tính *hiếu, đễ, tín, cung, kính*... con người sẽ sống nhân văn hơn và có trách nhiệm hơn. Điều đó lý giải vì sao, các bản hương ước Choson giai đoạn này đều tập trung kê cứu quy định xây dựng con người lý tưởng của gia đình.

3 KẾT LUẬN

Tự trung, trong bối cảnh nhiễu loạn của đất nước, sự xâu xé của các thế lực đảng phái gây nên sự xáo trộn các giá trị đạo đức truyền thống. Sự cần thiết thiết lập lại trật tự xã hội dựa trên nguyên lý Nho giáo càng trở nên cấp bách hơn. Sĩ phu Choson xác định việc “đức” nên con người hoàn mỹ ở gia đình là chiến lược trọng yếu nhằm khóa lấp hư hao thời đại. Từ đó tiến tới việc tạo lập công cụ thực hiện là “*Hiếu*”, nội dung cơ bản của quan hệ gia đình, định vị cho các quan hệ khác của cộng đồng, và “*Lễ*”, nội dung lâu dài có tính chất xã hội càng trở nên quan trọng hơn trước quốc gia có nhiều vấn nạn.

Xuyên suốt hương ước giai đoạn này, việc tiếp thu và phát triển giáo lý Nho giáo qua các điều lệ hương ước của tri thức Choson gần như trở thành kiểu xã hội lý tưởng bấy giờ. Từ đó những kê cứu chi tiết các vấn đề về lễ, giúp con người hướng tới đức tính tôn nhượng trong quan hệ với cộng đồng. Tuy nhiên, qua khảo cứu, sĩ phu Choson đặt ra rất nhiều quy định “chiến lược” tập trung vào nam giới, hoàn toàn không đề cập đến đối tượng nữ giới. Tư tưởng “*trọng nam khinh nữ*” của Nho giáo phần nào lấn áp toàn bộ vai trò của người phụ nữ trong hoạt động hương thôn. Đó là mặt thiếu sót đáng tiếc của Nho sĩ Choson trong việc bảo đảm trật tự xã hội.

Trong chiến lược này còn thể hiện triết lý *uống nước nhớ nguồn*, tinh thần *tương thân tương ái* ở quy định ứng xử với người đã khuất, tạo nên niềm cộng cảm giữa những người xa lạ. Chính điều này mang lại hiệu ứng khả quan cho việc giảm nhiệt những mâu thuẫn đảng phái bên cạnh chính sách *Đảng bình*¹⁶ của vương triều. Theo đó, quy định

¹⁴ Phiên âm: Từ giả thị địch dĩ thượng tác bá nhi diện. Dĩ hạ tác diện nhi bất bá. Chủ nhân bất địch phục tác địch bất địch phục. Chủ nhân bất khóc tác địch bất khóc. Tinh trọng tác tuy chủ nhân bất biến bất khóc biệc biến nhi khóc chi.

¹⁵ Phiên âm: Hoặc hữu vô tử tôn tử bất năng liệm táng giả tự lý trung mai táng.

¹⁶ *Đảng bình thuyết*: Chính sách chủ trương điều hòa quyền lực giữa các phái, tránh tuyệt đối trường hợp độc chiếm quyền bính của bất kỳ đảng phái nào. Bằng cách sử dụng công bằng người của mỗi đảng phái, đồng thời rút bớt những vị thế chủ chốt đối với những nhân vật kỳ cựu có công sáng lập ra đảng phái, thay vào đó là việc bổ nhiệm nhân sự do vua cất nhắc. Chính sách này được

xây dựng nhân tố con người qua các điều lệ hương ước phần nào minh chứng cho sự vận động về mặt nhận thức của tri thức Choson. Để thêm một lần nữa tái khẳng định tính thiết thực và hữu hiệu cho việc lấy chất liệu văn hóa cổ để xây dựng văn hóa mới thời hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban biên soạn giáo trình Hàn Quốc học, 2005. *Lịch sử Hàn Quốc*, Nxb Đại học quốc gia Seoul.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2004. *Ngữ văn Hán Nôm (tập 2) – Ngũ kinh*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 739.

Đỗ Thị Hà Thơ, 2009. *Tục trọng xỉ trong văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên thế kỷ XVII – XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á. 3: 69 – 74.

Đỗ Thị Hà Thơ, 2014. *Một số vấn đề về văn bản hương ước Choson thế kỷ XVII – XVIII*. Tạp chí Đại học Cần Thơ. 34c: 13 - 19;

Đỗ Thị Hà Thơ, 2015. *Hình thức xử phạt trong hương ước chữ Hán Choson thế kỷ XVII – XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á. 2: 62 – 71.

Phạm Thị Thuỳ Vinh, 2006. *Văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên thời kỳ trung cận đại*. Tạp chí Hán Nôm, 2: 10 – 22.

Phạm Thị Thuỳ Vinh, 2006. *Nghiên cứu so sánh văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên và Việt Nam thời kỳ trung cận đại*. Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á. 2: 27 – 39.

金仁杰, 韓相權, 1986. 朝鮮時代社會研究史料叢書。保景文化社發行。

池教憲, 崔文馨, 朴均燮, 1991)。朝鮮朝鄉約研究, 民俗苑。

vua Sukjong (Túc Tông 肅宗, 1674 – 1720), Yeongjo (Anh Tổ 英祖, 1724 – 1776) và vua Jeongjo (Chính Tổ 正祖, 1776 – 1800) áp dụng nhưng chỉ tạm thời làm lắng dịu nhưng không thể khóa lấp được những rạn nứt đảng phái lâu ngày.